

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày 24/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Bà Nguyễn Thị Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Mai Ngọc U, sinh ngày 17/5/1975, tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn D1, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Ngọc Quang (đã chết) và bà: Lê Thị Dục, sinh năm 1952; vợ: Nguyễn Thu H, sinh năm 1977; con: 02 con, sinh năm 1995 và 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/01/2022 đến nay (*Có mặt tại phiên tòa*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn D1, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1977

Trú tại: Thôn D1, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(*Anh Q vắng mặt, chị H có mặt tại phiên tòa*).

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thu H1, sinh năm 1976

Trú tại: Thôn D1, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình
(Chị H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Ngọc U và anh Đỗ Văn Q có mối quan hệ quen biết, chơi với nhau. Tháng 01/2021, anh Q hỏi vay tiền U và trả lãi theo thỏa thuận. U đồng ý. Cả hai thống nhất mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 2%/ngày; 730%/năm; định kỳ 10 ngày anh Q phải trả lãi vay cho U một lần bằng hình thức trả tiền mặt hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng. U cho anh Q số tài khoản 3406205129615 của vợ U là chị Nguyễn Thu H mở tại ngân hàng Agribank để anh Q chuyển trả lãi vay cho U. Việc vay nợ và trả lãi vay không được ghi chép thành văn bản. Từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021, việc vay nợ và trả lãi vay giữa anh Q và U như sau:

Ngày 02/01/2021, U cho anh Q vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tính từ ngày vay. Theo đó, mỗi ngày anh Q phải trả lãi là 200.000 đồng. Thời gian vay từ ngày 02/01/2021 đến ngày 31/01/2021 là 30 ngày, anh Q phải trả lãi vay cho U tổng số tiền là 30 ngày x 200.000 đồng/ngày = 6.000.000 đồng. Anh Q đã trả đủ cho U số tiền này. Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày (01 năm) x 30 ngày = 164.000 đồng. Như vậy, số tiền mà U đã thu lợi bất chính trong thời gian này là 6.000.000 đồng - 164.000 đồng = 5.836.000 đồng.

Ngày 01/02/2021, anh Q vay thêm của U số tiền 10.000.000 đồng, với các điều kiện thỏa thuận như trên. U đồng ý. Lúc này tổng số tiền U cho anh Q vay là 20.000.000 đồng, lãi vay tính từ ngày 01/02/2021. Mỗi ngày anh Q phải trả lãi cho U số tiền là 02% x 20.000.000 đồng = 400.000 đồng. Anh Q định kỳ trả lãi vay cho U bằng tiền mặt hoặc qua tài khoản ngân hàng. Tính đến ngày 01/5/2021, thì thời gian vay là 90 ngày; tổng số tiền anh Q phải trả lãi cho U là 90 ngày x 400.000 đồng = 36.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự trong thời gian từ 01/02/2021 đến ngày 01/5/2021 là 20.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 90 ngày = 986.000 đồng. Như vậy, số tiền U thu lợi bất chính trong thời gian này là 36.000.000 đồng - 986.000 đồng = 35.014.000 đồng. Đến ngày 01/5/2021, anh Q mới trả được cho U 26.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 tiền lãi, nên hai bên đã thỏa thuận nhập số tiền lãi 10.000.000 đồng anh Q còn nợ vào tiền vay để tính lãi trong thời gian tiếp theo. Theo đó, số tiền để

tính lãi vay từ ngày 02/5/2021 là 30.000.000 đồng, với các điều kiện thỏa thuận như trước.

Từ ngày 02/5/2021 đến ngày 30/7/2021 là 90 ngày, mỗi ngày anh Q phải trả lãi cho U số tiền là $02\% \times 30.000.000 \text{ đồng} = 600.000 \text{ đồng}$. Tổng số lãi vay anh Q phải trả cho U là $90 \text{ ngày} \times 600.000 \text{ đồng} = 54.000.000 \text{ đồng}$. Nhưng số tiền cho vay thực tế chỉ là 20.000.000 đồng, nên số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày} = 986.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền U thu lợi bất chính trong thời gian này là $54.000.000 \text{ đồng} - 986.000 \text{ đồng} = 53.014.000 \text{ đồng}$. Đến ngày 30/7/2021, anh Q mới thanh toán được cho U 44.000.000 đồng, nợ lại 10.000.000 đồng, nên hai bên thỏa thuận tiếp tục nhập số tiền lãi 10.000.000 đồng anh Q còn nợ vào tiền vay để tính lãi trong thời gian tiếp theo. Theo đó, số tiền để tính lãi vay từ ngày 31/7/2021 là 40.000.000 đồng, với các điều kiện thỏa thuận như trước.

Từ ngày 31/7/2021 đến ngày 30/11/2021 là 123 ngày, mỗi ngày anh Q phải trả lãi cho U số tiền là $2\% \times 40.000.000 \text{ đồng} = 800.000 \text{ đồng}$. Từ ngày 31/7/2021 đến ngày 30/11/2021, anh Q phải trả lãi cho U số tiền là $123 \text{ ngày} \times 800.000 \text{ đồng} = 98.400.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự trong thời gian từ 31/7/2021 đến ngày 30/11/2021 là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 123 \text{ ngày} = 1.348.000 \text{ đồng}$. Số tiền U thu lợi bất chính trong thời gian này là $98.400.000 \text{ đồng} - 1.348.000 \text{ đồng} = 97.052.000 \text{ đồng}$. Đến ngày 30/11/2021, anh Q mới thanh toán được cho U số tiền 74.400.000 đồng; còn nợ lại 24.000.000 đồng tiền lãi. U thường xuyên gọi điện thoại và nhắn tin yêu cầu anh Q thanh toán tiền. Do anh Q không còn khả năng thanh toán, nên ngày 09/12/2021, anh Q và U đã thống nhất thanh lý hợp đồng vay và không tiếp tục tính lãi vay kể từ sau ngày 30/11/2021; chốt số nợ của anh Q đến thời điểm này là 64.000.000 đồng (gồm 20.000.000 đồng tiền vốn vay; 20.000.000 đồng tiền lãi vay đã được nhập vào vốn vay để tính lãi và 24.000.000 đồng lãi vay chưa trả). U yêu cầu anh Q thanh toán toàn bộ tiền vay và lãi vay vào ngày 19/12/2021, nhưng anh Q vẫn không trả được. Ngày 28/12/2021, anh Q trả thêm được cho U 5.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 59.000.000 đồng. Thấy số tiền lãi phải trả và đã trả lớn hơn nhiều lần so với số tiền vay thực tế ban đầu, anh Q đã đến cơ quan Công an tố giác hành vi phạm tội của Mai Ngọc U.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 02/01/2021 đến ngày 30/11/2021, anh Q đã vay của U số tiền 20.000.000 đồng; số tiền lãi anh Q phải thanh toán cho U là 194.400.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự ($20\%/năm$) là 3.484.000 đồng; số tiền U thu lợi bất chính là 190.916.000 đồng; số tiền U đã nhận của anh Q là 155.400.000 đồng.

Ngày 29/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra thi hành lệnh khám xét chỗ ở của Mai Ngọc U, tại Thôn D1, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhưng không phát hiện thu giữ gì.

Quá trình điều tra, truy tố Mai Ngọc U khai nhận: U và anh Đỗ Văn Q có quan hệ quen biết, chơi với nhau. Ngày 02/01/2021, anh Q đến nhà U hỏi vay tiền của U và đề xuất mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; định kỳ 10 ngày trả lãi một lần. U đồng ý nhưng vì ngại là bạn chơi với nhau nên U nói với anh Q là U sẽ đi vay hộ, nhưng thực tế, U lấy tiền của cá nhân mình để cho anh Q vay. Sau đó, U giao tiền vay cho anh Q 10.000.000 đồng, không viết giấy tờ gì. Trong 30 ngày đầu tiên (từ ngày 02/01/2021 đến ngày 31/01/2021), anh Q đã trực tiếp thanh toán 6.000.000 đồng tiền lãi vay bằng tiền mặt cho U. Ngày 01/02/2021, anh Q đến nhà U đề nghị U vay thêm 10.000.000 đồng với các điều kiện thỏa thuận như trước và tính lãi từ ngày 01/02/2021. U đồng ý. Số tiền vay lúc này của anh Q là 20.000.000 đồng. Đến ngày 02/5/2021, anh Q còn nợ 10.000.000 đồng tiền lãi vay nên hai bên đã đồng ý đưa số nợ này vào gốc để tính lãi. Theo đó, số tiền để tính lãi lúc này là 30.000.000 đồng. Đến ngày 31/7/2021, anh Q tiếp tục nợ lãi vay 10.000.000 đồng nên số nợ này lại tiếp tục được đưa vào gốc để tính lãi. Vì vậy, số tiền để tính lãi lúc này là 40.000.000 đồng. Do U không có tài khoản ngân hàng nên để tiện cho việc thanh toán lãi vay, U gửi cho anh Q số tài khoản của vợ U là chị Nguyễn Thu H để anh Q chuyển tiền vào đó. Mỗi lần chị H nhận được tiền, U đều yêu cầu chị H rút tiền mặt đưa lại cho U. Tổng số tiền lãi U đã nhận được từ anh Q là 150.400.000 đồng bằng tiền mặt và chuyển khoản. Ngày 09/12/2021, do anh Q không còn khả năng thanh toán nên hai bên thanh lý hợp đồng vay, chốt nợ của anh Q là 64.000.000 đồng, gồm tiền vay 20.000.000 đồng; tiền lãi vay đã nhập vào gốc để tính lãi 20.000.000 đồng và tiền lãi vay chưa trả 24.000.000 đồng tính đến hết 30/11/2021. U yêu cầu anh Q thanh toán toàn bộ số tiền này vào ngày 19/12/2021, nhưng đến ngày 28/12/2021, anh Q mới trả thêm được 5.000.000 đồng; còn nợ lại 59.000.000 đồng. Số tiền nhận được, U đã chi tiêu cá nhân hết.

Cáo trạng số 37/CT-VKSQP ngày 13/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Mai Ngọc U về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Mai Ngọc U khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trong bản Cáo trạng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thu H giữ nguyên lời khai đã khai tại giai đoạn điều tra.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Mai Ngọc U và đề nghị Hội đồng xét

xử tuyên bố bị cáo phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Ngọc U mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo từ 40 đến 50 triệu đồng. Ngoài ra, còn đề nghị về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo, chị Nguyễn Thu H không có ý kiến tranh luận với nhau và với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo vì hiện tại gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, vợ bị cáo thường xuyên đau ốm nên không đủ khả năng thi hành. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Mai Ngọc U tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (bút lục số: 137 - 164); phù hợp với đơn tố giác và biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn Q (bút lục số: 1 và 128 - 136); phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thu H (bút lục số: 165 - 176). Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Bản sao kê tài khoản ngân hàng của chủ tài khoản Nguyễn Thu H do ngân hàng Agribank cung cấp ngày 30/12/2021 (bút lục số: 41 - 46); Bản sao kê tài khoản ngân hàng của chủ tài khoản Đỗ Văn Q do ngân hàng Agribank cung cấp ngày 18/01/2022 (bút lục số: 47 - 52); Bản sao kê tài khoản ngân hàng của chủ tài khoản Đỗ Văn Q do ngân hàng VietinBank cung cấp ngày 04/01/2022 (bút lục số: 53 - 68);

- Biên bản tạm giữ và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập ngày 28/12/2021 (bút lục số: 73 - 74);

- Biên bản kiểm tra điện thoại của chị Nguyễn Thu H và của Mai Ngọc U do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập ngày 28/12/2021 (bút lục số: 78 - 98);

- Các tài liệu được sao in từ máy điện thoại di động của anh Đỗ Văn Q do anh Q giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ ngày 28/12/2021 (bút lục số: 99 - 126);

Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/01/2021 đến ngày 30/11/2021, Mai Ngọc U đã cho anh Đỗ Văn Q, sinh ngày 01/01/1975, trú tại Thôn D1, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vay số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 730%/năm (vượt 36,5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). Sau đó, U tiếp tục nhập lãi phát sinh chậm trả vào tiền gốc để tính lãi vào ngày 02/5/2021 và ngày 31/7/2021, mỗi lần 10.000.000 đồng, thu tiền lãi 194.400.000 đồng, trong đó: số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 3.484.000 đồng; số tiền thu lợi bất chính của U là 190.916.000 đồng; số tiền lãi vay U đã nhận của anh Q là 155.400.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Mai Ngọc U đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” với tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự:

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố Mai Ngọc U với tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi cho vay với lãi suất gấp 36,5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo Mai Ngọc U đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất ổn định trong các giao dịch dân sự, làm ảnh hưởng xấu đến khả năng thanh toán nợ của anh Đỗ Văn Q. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nhất định nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp, không thuộc trường hợp “phạm tội từ hai lần trở lên”. Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*”, “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước thời điểm mở phiên tòa bị cáo có Đơn đề nghị và tại phiên tòa bị cáo tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo, đề nghị xem xét hoàn cảnh, khả năng thi hành án để cho bị cáo được hưởng án treo.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là đảm bảo mục đích hình phạt và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, số tiền hưởng lợi lớn. Mặt khác hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo không phải là hình phạt tiền nên cần áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự phạt tiền bổ sung đối với bị cáo như mức Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và các vấn đề có liên quan khác:

Đối với chị Nguyễn Thu H (là người nhận tiền lãi từ anh Q trả cho U qua tài khoản ngân hàng), qua điều tra xác định, chị H không biết mục đích, nội dung việc vay nợ giữa anh Q và U; số tiền nhận được, chị đã trả hết cho Mai Ngọc U và

không được hưởng lợi gì. Vì vậy, chị H không đồng phạm với Mai Ngọc U nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị H là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng là tiền Mai Ngọc U dùng để cho anh Đỗ Văn Q vay, anh Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ và khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.484.000 đồng, bị cáo U đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự. Đây được coi là công cụ dùng vào việc phạm tội và là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền thực tế U đã thu lợi bất chính của anh Q là 151.916.000 đồng, U đã hoàn trả cho anh Q, anh Q không có yêu cầu đề nghị gì thêm, tại phiên tòa anh Q vắng mặt nên không đặt ra giải quyết.

Đối với vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51 màu đen của Mai Ngọc U là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách nhà nước. Xác sim điện thoại số 0971.388.966 không còn giá trị sử dụng cần tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Mai Ngọc U phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Mai Ngọc U 01(một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/5/2022).

Giao bị cáo Mai Ngọc U cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Phạt bổ sung bị cáo Mai Ngọc U số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 23.484.000đ (hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng) do anh Đỗ Văn Q và bị cáo Mai Ngọc U giao nộp tại các biên lai thu tiền số 0001834 và 0001835 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51 màu đen của Mai Ngọc U; Tịch thu tiêu hủy 01 xác sim điện thoại (*Chi tiết vật chứng có đặc điểm ghi tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 48 ngày 14/4/2022 giữa Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ*).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Mai Ngọc U phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Mai Ngọc U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thu H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- CQĐT, CQTHAHS (Công an h. Quỳnh Phụ);
- UBND xã A;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Phụng